



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0024092

(51)⁷ A61P 3/02; A23L 2/52; A61P 3/14;
A61K 31/19; A23L 1/304; A23L 3/385

(13) B

(21) 1-2015-03966

(22) 14/03/2014

(86) PCT/US2014/027736 14/03/2014

(87) WO2014/152789A1 25/09/2014

(30) 61/793,442 15/03/2013 US

(45) 25/06/2020 387

(43) 25/05/2016 338A

(73) 1. NEW YORK UNIVERSITY (US)

70 Washington Square S., New York, NY 10012, US

2. GENERAL HOSPITAL CORPORATION (US)

55 Fruit Street, Boston, MA 02114, US

3. THE REGENTS OF THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA (US)

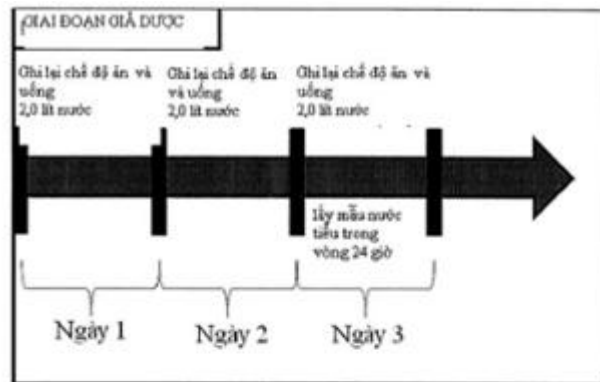
1111 Franklin Street, Twelfth Floor, Oakland, CA 94607-5200, US

(72) GOLDFARB, David, S., (US); EISNER, Brian (US); ASPLIN, John (US);
STOLLER, Marshall, L. (US).

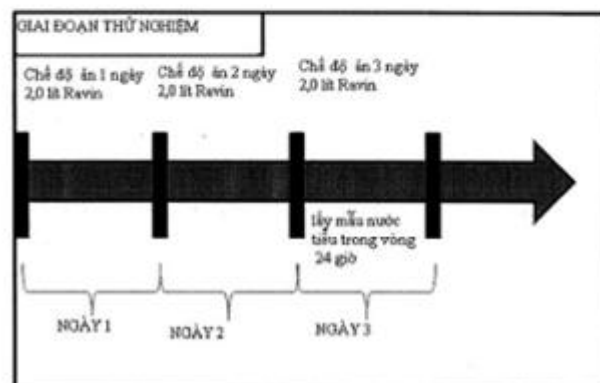
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(54) ĐỒ UỐNG CHỨA XITRAT, ĐỒ UỐNG CÔ ĐẶC VÀ KIT ĐỂ PHA CHẾ ĐỒ
UỐNG NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu. Sáng chế đề cập đến các đồ uống có thể uống được ngay hoặc cô đặc. Sáng chế cũng đề cập đến kit chứa đồ uống này.



PHA LỌC SẠCH (4 ĐẾN 14 NGÀY)



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến các đồ uống và cụ thể hơn là các đồ uống chứa xitrat, trong đó các đồ uống này là hữu ích trong việc kiểm soát bệnh sỏi thận.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Sỏi thận là một nguyên nhân phổ biến gây ra trạng thái bệnh, với tỉ lệ hiện hành phổ biến trên toàn thế giới từ 5 đến 10%. Trong trường hợp thiếu sự phòng ngừa, tình trạng tái phát xảy ra phổ biến, với hơn 50% số bệnh nhân có giai đoạn sỏi tái phát trong vòng 5 đến 10 năm tính từ khi có viên sỏi thứ nhất. Loại sỏi phổ biến nhất là canxi oxalat. Loại sỏi thứ hai có thể được tìm thấy là canxi phosphat. Sỏi gốc canxi chứa khoảng 80% trong tổng số sỏi. Ít nhất 10% sỏi gồm có axit uric và khoảng 1% sỏi (và 6% sỏi ở trẻ em) gồm có cystine.

Mặc dù có cho rằng rằng bệnh nhân cần tuân thủ việc phải thay đổi thói quen ăn uống để khỏi phải uống thuốc theo đơn để phòng ngừa các tình trạng bệnh khác nhau, không có đồ uống sẵn có hiện nay chuyên dùng để giảm xitrat trong nước tiểu và độ pH, đồng thời giảm cả canxi niệu.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Sáng chế dựa trên một phần vào phát hiện bất ngờ và không mong đợi của các tác giả sáng chế là đồ uống chế biến theo sáng chế chứa thành phần làm tăng xitrat và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu đã đem lại các lợi ích là cải thiện việc xử lý sỏi thận nếu so với chế phẩm có trước. Mục đích của sáng chế là đề xuất đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu. Sáng chế đề cập đến đồ uống ở dạng được chế biến sẵn có thể uống được

ngay hoặc có thể chế biến hoàn nguyên từ hỗn hợp bột, dạng cô đặc (cô đặc) hoặc viên nén.

Theo một phương án cụ thể, thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu gồm natri xitrat, kali xitrat hay magie xitrat, hoặc các hỗn hợp của chúng. Trong một phương án được ưu tiên cụ thể, sáng chế đề xuất đồ uống chứa natri xitrat, kali xitrat, magie xitrat, axit xitric, pyridoxin và các hỗn hợp của chúng.

Theo một số phương án, thành phần làm giảm oxalat là muối magie. Trong một phương án cụ thể được ưu tiên, muối magie là magie hydroxit.

Theo các phương án được ưu tiên khác, thành phần làm giảm oxalat được chọn từ nhóm bao gồm magie, pyridoxin và các hỗn hợp của chúng.

Theo một số phương án, đồ uống thuộc sáng chế chứa xitrat, magie và pyridoxin.

Theo một số phương án, đồ uống thuộc sáng chế chứa thêm các vitamin, khoáng chất, phytat, axit amin và các hỗn hợp của chúng.

Theo một phương án cụ thể, các loại đồ uống của sáng chế không có calo. Trong một phương án cụ thể khác các loại đồ uống của sáng chế không chứa canxi.

Sáng chế mô tả các phương pháp xử lý sỏi thận ở người có nhu cầu bao gồm việc cho dùng đồ uống có chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Theo phương án khác, sáng chế mô tả các phương pháp xử lý bệnh lý liên quan đến xương khớp ở người có nhu cầu cũng bao gồm việc cho dùng đồ uống có chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Theo một phương án cụ thể, các loại đồ uống theo sáng chế chứa: từ 1,0 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5 mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là từ 3,3 đến 7,0.

Theo một phương án cụ thể khác, các loại đồ uống theo sáng chế bao gồm: 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2,0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là 3,5.

Sáng chế mô tả phương pháp để làm tăng xitrat trong nước tiểu và làm giảm oxalat trong nước tiểu bằng cách cấp đồ uống cho người dùng, và đồ uống này chứa từ 1 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5 mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0.

Theo một phương án cụ thể, sáng chế mô tả phương pháp làm tăng xitrat trong nước tiểu và làm giảm oxalat trong nước tiểu bằng cách đề xuất đồ uống cho một người, cho biết đồ uống chứa 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2,0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là 3,5.

Theo một phương án cụ thể khác, sáng chế mô tả phương pháp xử lý sỏi thận ở người có nhu cầu gồm việc cho người này dùng đồ uống, và đồ uống đó chứa từ 1 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5 mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0.

Theo một phương án nào cụ thể, sáng chế mô tả phương pháp xử lý sỏi thận ở người có nhu cầu bao gồm việc cho người này dùng đồ uống, đồ uống này chứa 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2,0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là 3,5.

Theo một phương án cụ thể, sáng chế mô tả phương án xử lý bệnh về xương ở người có nhu cầu gồm việc cho người này dùng đồ uống, và đồ uống đó chứa từ 1 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5 mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0.

Theo một phương án cụ thể khác, sáng chế mô tả phương pháp xử lý bệnh về xương ở người có nhu cầu gồm việc cho người đó dùng đồ uống, và đồ uống này chứa 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2,0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là 3,5.

Sáng chế này cũng đề xuất bộ kit (bộ sản phẩm) chứa hỗn hợp bột, sản phẩm cô đặc, hoặc viên nén chứa:

(a) xitrat natri, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin với lượng đủ để đồ uống được pha chế sẽ chứa 1,0 đến 4,0 mmol natri xitrat; từ 3,5 đến 7,5 mmol kali xitrat, từ 15 đến 25 mmol axit xitric, 1 đến 3 mmol magie hydroxit, và từ 1,5 đến 3,5 mg pyridoxin mỗi lít;

(b) bao bì cho bình chứa;

(c) bình chứa; và

(d) tập hợp các chỉ dẫn, trong đó các chỉ dẫn này mô tả cách làm thế nào để pha chế và bảo quản đồ uống bằng cách sử dụng hỗn hợp bột hoặc viên nén và mô tả các số lần và dung tích của đồ uống được tiêu thụ bởi một người tiêu dùng.

Theo một phương án cụ thể khác, sáng chế đề xuất bộ kit bao gồm hỗn hợp bột, sản phẩm cô đặc, hoặc viên nén chứa:

(a) natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin với lượng đủ để đồ uống được pha chế sẽ chứa 3,33 mmol natri xitrat; 5,0 mmol kali xitrat; 19,67 mmol axit xitric; 2,0 mmol magie hydroxit, và 2,5 mg pyridoxin mỗi lít;

(b) bao bì cho bình chứa;

(c) bình chứa; và

(d) tập hợp các hướng dẫn, trong đó cho biết chỉ dẫn mô tả cách làm thế nào để pha chế và bảo quản đồ uống bằng cách sử dụng hỗn hợp dạng bột hoặc viên nén và mô tả số lần và dung tích đồ uống được tiêu thụ bởi một người tiêu dùng.

Theo một phương án khác, sáng chế đề xuất bộ kit chứa:

(a) hỗn hợp bột, sản phẩm cô đặc, hoặc viên nén chứa với lượng natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin đủ để đồ uống sẽ có có từ 1,0 đến 4,0 mmol natri xitrat, từ 3,5 đến 7,5 mmol kali xitrat, từ 15 đến 25 mmol axit xitric, từ 1 đến 3 mmol magie hydroxit, và từ 1,5 đến 3,5 mg pyridoxin trên mỗi lít;

(b) một tập hợp các hướng dẫn, cho biết các chỉ dẫn mô tả cách làm thế nào để pha chế và bảo quản đồ uống bằng cách sử dụng hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén và mô tả các số lần và dung tích của đồ uống được tiêu thụ bởi một người tiêu thụ.

Theo một phương án khác, sáng chế đề xuất bộ kit chứa:

(a) hỗn hợp bột, sản phẩm cô đặc, hoặc viên nén chứa natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin đủ để đồ uống được pha chế sẽ chứa 3,33 mmol natri xitrat, 5,0 mmol kali xitrat; 19,67 mmol axit xitric; 2,0 mmol magie hydroxit, và 2,5 mg pyridoxin mỗi lít;

(b) một tập hợp các hướng dẫn, cho biết các chỉ dẫn mô tả làm thế nào để pha chế và bảo quản đồ uống bằng cách sử dụng hỗn hợp bột hoặc viên nén và mô tả các số lần và dung tích của đồ uống được tiêu thụ bởi một người tiêu thụ.

Theo các phương án khác, bộ kit chứa nhiều phần hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén và với chất lỏng chứa nước đã được định sẵn trước đó (như nước) khi mà mỗi hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén khi trộn với lượng nước được định sẵn trước sẽ cung cấp đồ uống như được mô tả trong những phương án khác nhau ở đây. Mỗi phần của hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén có thể được đóng gói riêng trong kit.

Các kit theo sáng chế đã được dự tính bao gồm đồ uống có sẵn được tạo ra phù hợp với sáng chế.

Theo khía cạnh bổ sung và có lợi của sáng chế sẽ được nêu trong các bản mô tả mà một phần sau đó sẽ được làm rõ trong bản mô tả hoặc có thể học được từ thực tiễn của sáng chế như đã được nêu ra trong tài liệu này. Các đối tượng và lợi

ích của sáng chế này sẽ được thực hiện và đạt được bằng các yếu tố và sự kết hợp cụ thể những chỉ dẫn được chỉ ra trong tài liệu này và quy định trong các điểm yêu cầu bảo hộ. Nó phải được hiểu rằng cả mô tả vắn tắt nêu trên và mô tả chi tiết sau đây được làm dẫn chứng và giải thích và không hạn chế sáng chế như đã được bảo hộ.

Mô tả vắn tắt hình vẽ

Hình 1 thể hiện sơ đồ thử nghiệm để kiểm tra tác dụng tiêu thụ đồ uống của sáng chế.

Mô tả chi tiết sáng chế

Sáng chế đề xuất đồ uống chứa lượng xitrat, trong đó xitrat có ý nghĩa lâm sàng cho đối với người tiêu dùng trong việc giảm hoặc phòng ngừa sỏi thận. Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu. Sự tiêu thụ đồ uống làm tăng nồng độ xitrat trong nước tiểu, làm tăng pH trong nước tiểu, và làm giảm nồng độ oxalat trong nước tiểu. Các thuật ngữ đồ uống và thức uống được sử dụng thay thế cho nhau trong mô tả này. Theo một phương án, xitrat trong nước tiểu và độ pH được tăng lên trong khi canxi trong nước tiểu được giảm.

Theo một phương án, đồ uống chứa thành phần chủ yếu tăng xitrat trong nước tiểu, hoặc chứa natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, và thành phần chủ yếu giảm oxalat trong nước tiểu gồm muối magie (như magie hydroxit) và pyridoxin.

Theo một phương án, sáng chế bộc lộ đồ uống chứa natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit và pyridoxin. Các thành phần có mặt với lượng như vậy khi xitrat trong nước tiểu và độ pH được tăng lên trong khi không làm thay đổi sinh hóa nước tiểu. Theo một phương án, xitrat có thể là magie xitrat thay thế hoặc bổ

sung cho natri xitrat và kali xitrat. Theo một phương án, đồ uống chứa chủ yếu xitrat, hoặc chứa kali xitrat và magie xitrat.

Trong khi không sẽ bị ràng buộc bởi bất kỳ lý thuyết cụ thể, các cation natri được cho rằng cải thiện cảm nhận xúc giác và cũng đề xuất các chất xitrat ở mức độ cao không kết hợp riêng với kali. Theo một phương án, lượng natri xitrat có thể từ 0,5 đến 5 mmol/L và tất cả lượng nằm ở giữa đến vị trí thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Theo phương án khác, lượng natri xitrat có mặt từ 1,0 đến 4,0 mmol/L. Theo phương án khác, lượng xitrat có mặt từ 3,0 đến 3,5 mmol/L.

Theo một phương án, đồ uống không chứa canxi. Theo phương án này, các đồ uống có thể chứa kali xitrat, magie xitrat tùy chọn, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin.

Theo một phương án, kali có mặt nhiều hơn natri. Tuy nhiên, mức độ kali không nên có mặt với lượng như vậy vì sẽ dẫn đến tăng kali huyết. Theo một phương án, kali xitrat có mặt từ 3,5 đến 7,5 mmol/L và với lượng khoảng ở giữa đến vị trí thập phân thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Theo phương án khác, kali có mặt từ 4,0 đến 6,0 mmol/L. Theo phương án khác, kali có mặt với từ 4,5 đến 5,5 mmol/L.

Các đồ uống của sáng chế cũng chứa axit xitric. Theo một phương án, lượng axit xitric là từ 15 đến 25 mmol/L và. Theo phương án khác, axit xitric có mặt từ 17 đến 23 mmol/L.

Lượng xitrat (được tính toán từ axit xitric, natri xitrat, và kali xitrat) là từ 20 đến 30 mmol/L và với lượng khoảng ở giữa đến vị trí thập phân thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Theo một phương án, xitrat từ 23 đến 27 mmol/L.

Theo một phương án, tỷ lệ natri kali nằm trong khoảng là 1: 1,1 đến 1: 2. Theo phương án khác, tỉ lệ nằm trong khoảng 1: 1,3 đến 1: 1,7. Theo phương án khác, tỉ lệ nằm trong khoảng 1: 1,4 đến 1: 1,6.

Hơn nữa, đồ uống theo sáng chế hỗ trợ trong việc phòng ngừa hoặc cải thiện tình trạng bệnh sỏi thận, đồ uống theo sáng chế chứa các hợp chất magie. Magie là cation có thể liên kết với oxalat trong nước tiểu và do đó cản trở sự tạo phức của oxalat với canxi. Theo một phương án, các hợp chất magie là magie hydroxit. Theo một phương án, ngoài ra hoặc thay thế magie hydroxit, magie xitrat có thể được sử dụng. Lượng magie hydroxit là từ 1 đến 3 mmol/L với lượng khoảng ở giữa đến vị trí thập phân thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Theo một phương án, lượng magie hydroxit là từ 1,5 đến 2,5 mmol/L.

Các đồ uống theo sáng chế cũng chứa pyridoxin (vitamin B6). Lượng pyridoxin là từ 1,5 đến 3,5 mg/L và với lượng khoảng ở giữa đến vị trí thập phân thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Theo một phương án, với lượng là từ 2 đến 3 mg/L.

Theo một phương án, các đồ uống của sáng chế không có chứa canxi. Theo các phương án khác, đồ uống chứa ít hơn 0,1; 0,05 hoặc 0,01 mmol/L canxi. Theo một phương án, lượng canxi có thể cao hơn tức là, lên đến 2,5 mmol/L.

Độ pH của các chế phẩm khi trộn các thành phần là khoảng 3,5. Độ pH thường nằm trong khoảng từ 3,4 đến 3,7 và với lượng khoảng ở giữa đến vị trí thập phân thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Độ pH có thể được điều chỉnh lên từ 3,5 đến 7,0 và với lượng khoảng ở giữa đến vị trí thập phân thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Theo một phương án, độ pH nằm trong khoảng từ 3,4 đến 4,0.

Theo một phương án, hàm lượng calo trong đồ uống ít hơn 1. Theo một phương án, hàm lượng calo là 0. Theo phương án khác, đồ uống có ít hơn 5 calo (và do đó có thể, được coi là "không có calo"). Theo phương án khác, nó là đồ uống ít calo. Thuật ngữ "calo ở mức độ thấp" được sử dụng trong tài liệu này có nghĩa là 40 calo hoặc ít hơn. Theo phương án khác, hàm lượng calo là từ 1 đến 40.

và với lượng khoảng ở giữa đến vị trí thập phân thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Theo phương án khác, đồ uống có thể có nhiều hơn 40 calo.

Hương vị và/hoặc màu sắc khác nhau có thể được thêm vào các đồ uống như đã mong muốn. Theo một phương án, màu sắc, hương vị hay chất phụ gia khác không thêm bất kỳ giá trị calo nào vào đồ uống và không làm thay đổi các thông số natri, kali hoặc xitrat như được mô tả trong tài liệu này. Hương liệu là tự nhiên hay nhân tạo. Ví dụ về các hương vị phù hợp bao gồm chanh, cam, chuối, dâu, trái cây khác, vị trái cây và các loại tương tự.

Theo một phương án, chế phẩm của sáng chế cũng chứa vitamin, khoáng chất, phytat và/hoặc các axit amin hoặc các chất dinh dưỡng khác. Vitamin thích hợp chứa vitamin B1, vitamin B2, niacinamit, vitamin B12, axit folic, vitamin C và vitamin E. Chất khoáng phù hợp chứa sắt, kẽm, vanadi, selen, crôm, bo, kali, mangan, đồng và magie. Axit amin thích hợp chứa lizin, isoleucin, leuxin, threonin, valin, tryptophan, phenylalanin, methionin và L-selenomethionin, Ngoài ra, chất làm urot cũng có thể được bao gồm để cải thiện sự cảm nhận của vị giác. Theo một phương án, các đồ uống là đồ uống dạng trong hoặc hơi đục.

Trong khi không sẽ bị ràng buộc bởi bất kỳ lý thuyết cụ thể nào, nó được cho rằng là ít nhất một thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và/hoặc giảm canxi trong nước tiểu được thu được, do ảnh hưởng của "xitrat kiềm". Các anion hữu cơ có mặt trong các thành phần thuộc sáng chế là các ion điện tích dương (cation) như natri hoặc kali. Vì vậy, thay vì proton (trường hợp đối với các axit hữu cơ như axit axetic hoặc axit xitric), các cacboxyl sản sinh ra bicarbonat mà sản sinh ra proton, và dẫn đến sự hình thành mạng bazơ, có thể trung hòa các proton khác trong cơ thể, dẫn đến tăng pH trong máu và sau đó là pH trong nước tiểu và xitrat trong nước tiểu. Bởi vì bicarbonat trong máu được dễ dàng bài tiết qua thận, độ pH của máu thay đổi không đáng kể trong khi pH trong nước tiểu sẽ tăng lên. Các nhà sáng chế gọi là "kiềm xitrat" một dạng xitrat được tiêu thụ dẫn đến tăng độ pH

trong máu, xitrat trong nước tiểu, pH trong nước tiểu, và do đó giảm sự hình thành sỏi thận.

Theo một phương án, các tác nhân khác có thể được thêm vào mà góp phần làm tăng pH trong nước tiểu. Ví dụ, malat hoặc anion hữu cơ có thể được thêm vào.

Theo một phương án, các đồ uống theo sáng chế có thể chứa các chất có thể làm tăng hương vị trong đồ uống, nhưng mà không ảnh hưởng đến hàm lượng xitrat hay oxalat trong nước tiểu hoặc tỷ lệ natri kali. Các chất dưới đây gọi là chất "không hoạt tính". Theo một phương án, các chất không hoạt tính không làm thay đổi hàm lượng natri hoặc kali. Theo một phương án, các chất không hoạt tính không làm thay đổi hàm lượng natri hoặc kali khi nhỏ hơn 0,1%.

Các đồ uống có thể được đóng gói trong các thùng chứa thích hợp như chai, lon, bao bì các tông hoặc tương tự trong kích thước phù hợp bất kỳ trong đó có tới 0,5; 1 hoặc 2 lít ở các phần. Các đồ uống có thể được vô trùng đóng gói và bảo quản ở nhiệt độ môi trường xung quanh (thường 65 đến 75 F) hoặc ở nhiệt độ trong tủ lạnh.

Theo một phương án, thay thế cho đồ uống, tất cả chế phẩm được điều chế theo các công thức trên có thể được đề xuất bộ kit dưới dạng hỗn hợp bột, chất lỏng cô đặc (cô đặc) hoặc viên nén. Theo một phương án, sáng chế này đề xuất một bộ kit chứa một hỗn hợp bột, chất lỏng cô đặc hoặc một viên nén, mà khi trộn với một chất lỏng thích hợp (như nước) hoặc pha loãng (nếu nó là cô đặc), để pha chế đồ uống theo sáng chế. Bộ kit cũng có thể chứa tập hợp các hướng dẫn cho việc điều chế các đồ uống từ hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén đến một người tiêu thụ (như trong khoảng thời gian 24 giờ). Tập hợp các hướng dẫn có thể đề xuất các số lần và dung tích uống được tiêu thụ hơn 24 giờ (hoặc lựa chọn khác). Tập hợp các hướng dẫn cũng có thể đề xuất các khuyến cáo việc bảo quản. Hỗn hợp bột, dạng cô đặc và các viên nén có thể được đóng gói trong vật chứa thích hợp, chẳng hạn như các gói giấy hoặc túi đối với hỗn hợp bột, thùng, chai, thùng chứa, hoặc hộp

đối với dạng cô đặc, và các gói vỉ cho viên nén. Hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén có thể được chia theo từng phần khi trong đồ uống chúng đã được định sẵn lượng trước. Ví dụ, Hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén có thể được chia thành từng phần chẳng hạn như đồ uống chia thành lít, nửa lít hoặc một lít. Hơn nữa, một bộ kit có thể chứa nhiều túi đối với hỗn hợp bột và một hoặc nhiều tấm vỉ đóng gói viên nén. Thuật ngữ viên nén bao gồm dạng cô đọng bất kỳ của bột được điều chế theo công thức, viên nén và các loại tương tự. Một bộ kit cũng có thể chứa các chất lỏng để tạo thành đồ uống. Ví dụ, một bộ kit có thể chứa một lượng chất lỏng đã được đo cho thêm hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén. Bao bì có thể được chia thành từng ngăn chẳng hạn như hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén là trong một ngăn và lượng dung dịch đã được đo trong ngăn khác. Sự phân chia giữa các ngăn ngày có thể là nó được khoét thủng hoặc tháo ra có hoặc không có sự phối sáng hàm lượng ra bên ngoài do đó cho phép trộn các hàm lượng với nhau. Các bao bì có thể ở các phần thích hợp được phép đóng gói cùng nhau trong việc dự trữ trong một ngày hay một tuần hoặc một tháng, vv

Theo một phương án, sáng chế đề xuất một loại đồ uống không có calo và không chứa canxi. Một đến 2 lít đồ uống có thể được tiêu thụ thích hợp trong khoảng thời gian trước 24 giờ để làm tăng nồng độ xitrat trong nước tiểu và làm giảm nồng độ oxalat trong nước tiểu, trong khi không ảnh hưởng đến chất hóa học khác. Đồ uống này sẽ hữu ích một người tiêu thụ đã được chẩn đoán bị sỏi thận, người nguy cơ sỏi phát triển, và thường đối với người phòng ngừa bệnh sỏi thận. Đồ uống này cũng rất hữu ích cho tiêu thụ nói chung cũng như thức uống. Đồ uống có thể được tiêu thụ bởi con người - cả người lớn và trẻ em ở mọi lứa tuổi. Nó cũng có thể được dùng cho cả động vật. Nó có thể được sử dụng bởi các cá nhân có nhu cầu tăng mức xitrat trong nước tiểu, nâng pH nước tiểu, hoặc giảm nồng độ oxalat trong nước tiểu. Nó cũng có thể được sử dụng bởi những người không biết

được tình trạng bệnh được chuẩn đoán hoặc do tình trạng bệnh của cá nhân (dù chẩn đoán hoặc không) bao gồm các cá nhân có các bệnh liên quan đến xương.

Theo một phương án, sáng chế đề xuất một loại đồ uống được cảm nhận bởi người tiêu thụ, và trong một gói 1 lít/bình chứa, cung cấp cho người tiêu thụ từ 1 đến 4 mmol natri xitrat, từ 4 đến 6 mmol kali xitrat, 15 đến 25 mmol axit xitric, từ 1,5 đến 3,5 mg pyridoxin, và từ 1 đến 3 mmol magie hydroxit. Theo một phương án, các đồ uống 1 lít không chứa bất kỳ loại muối khác. Theo một phương án, các đồ uống 1 lít không chứa bất kỳ loại muối natri hoặc kali khác hoặc bất kỳ xitrat khác, và không chứa bất kỳ chất nào khác mà làm thay đổi số lượng oxalat trong nước tiểu. Chất không hoạt tính tương tự màu sắc và hương vị có thể được thêm vào đồ uống. Các đồ uống có thể không chứa canxi, lượng calo thấp hoặc có thể đề xuất hơn 40 calo.

Theo phương án khác, sáng chế đề xuất một loại đồ uống được cảm nhận bởi người tiêu thụ, và trong một gói 1 lít đóng gói/bình chứa cung cấp đến người tiêu thụ từ 3 đến 3,5 mmol natri xitrat, từ 4,5 đến 5,5 mmol kali xitrat, 18 đến 22 mmol axit xitric, từ 2 đến 3 mg pyridoxin, và từ 1,5 đến 2,5 mmol magie hydroxit. Theo một phương án, các đồ uống 1 lít không chứa bất kỳ loại muối natri hoặc kali khác hoặc bất kỳ xitrat khác, và không chứa bất kỳ chất nào khác mà làm thay đổi số lượng oxalat trong nước tiểu. Tuy nhiên, các chất không hoạt tính tương tự về màu sắc và hương vị có thể được thêm vào đồ uống. Các đồ uống có thể không có calo, lượng calo thấp hoặc có thể đề xuất hơn 40 calo.

Sáng chế mô tả phương pháp để ngăn ngừa hoặc giảm sự xuất hiện của sỏi thận. Phương pháp bao gồm cho người dùng đồ uống theo sáng chế với lượng đủ để giảm bớt hoặc ngăn ngừa sự hình thành sỏi thận. Đồ uống theo sáng chế được coi là làm thay đổi thành phần niệu làm cho niệu ít đi, không tạo điều kiện cho hình thành sỏi thận, bằng cách tăng xitrat trong nước tiểu và độ pH trong nước tiểu. Đồ

uống hiện nay cũng làm giảm lượng oxalat trong nước tiểu. Theo một phương án, một người tiêu thụ tiêu thụ từ 1 đến 2 lít đồ uống mỗi ngày (24 giờ).

Các chế phẩm theo sáng chế cũng có thể được sử dụng để cải thiện mật độ xương và do đó, để điều trị, phòng ngừa, giảm loãng xương, thiếu xương và ung thư xương di căn. Theo một phương án, các chế phẩm có thể được sử dụng trong việc điều trị, phòng ngừa, giảm suy thận mãn tính.

Theo một phương án, các đồ uống có thể chứa từ 0,1% đến 10% chất làm ngọt và tất cả lượng nằm ở giữa đến vị trí thứ mười và bao gồm tất cả các khoảng ở giữa. Các chất làm ngọt có thể có chất dinh dưỡng và không có chất dinh dưỡng, tự nhiên và nhân tạo hoặc tổng hợp. Chất ngọt được biết đến trong lĩnh vực kỹ thuật. Theo một số khía cạnh và phương án, sáng chế đề xuất đồ uống không chứa canxi chứa thành phần chủ yếu tăng xitrat trong nước tiểu và giảm oxalat trong nước tiểu.

Đồ uống không chứa canxi và calo chứa chủ yếu của 1,0 đến 4,0 mmol/L natri xitrat, từ 3,5 đến 7,5 mmol/L kali xitrat, từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric, từ 1 tới 3 mmol/L magie hydroxit, và từ 1,5 đến 3,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0.

Phương pháp để tăng xitrat trong nước tiểu và làm giảm oxalat trong nước tiểu bằng cách cho một người tiêu thụ dùng đồ uống, đồ uống nói trên chứa chủ yếu gồm từ 1,0 đến 4,0 mmol/L natri xitrat, từ 3,5 đến 7,5 mmol/L kali xitrat, từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric, từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit, và từ 1,5 đến 3,5 mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0.

Phương pháp ngăn ngừa hoặc làm giảm sự xuất hiện của sỏi thận bằng cách cho người dùng đồ uống, đồ uống nói trên chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu, trong đó đồ uống nói trên tại với lượng khoảng từ 1 đến 2 lít được tiêu thụ bởi một người tiêu thụ trong một khoảng thời gian 24 giờ.

Kit chứa hỗn hợp bột hoặc viên nén chứa natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin, đủ để đồ uống được chế biến sẽ có từ 1,0 đến 4,0 mmol natri xitrat, từ 3,5 đến 7,5 mmol kali xitrat, từ 15 đến 25 mmol axit xitric, từ 1 đến 3 mmol magie hydroxit, và từ 1,5 đến 3,5mg pyridoxin mỗi lít, đóng gói trong các đồ chứa, và một tập hợp các hướng dẫn, cho biết chỉ dẫn mô tả làm thế nào để pha chế và bảo quản đồ uống bằng cách sử dụng hỗn hợp bột hoặc viên nén và mô tả các số lần và dung tích của đồ uống được tiêu thụ bởi một người tiêu thụ.

Ví dụ về một số phương án cụ thể của những bộ lọc này được mô tả dưới đây:

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu, trong đó thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu bao gồm natri xitrat.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu, trong đó thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu bao gồm kali xitrat.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và một phần giảm oxalat giảm, trong đó các thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu gồm magie xitrat trong đó thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu chứa kali xitrat.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu trong đó các thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu được chọn từ nhóm bao gồm natri xitrat, kali xitrat, magie xitrat và kết hợp cả hai.

Đồ uống chứa natri xitrat, kali xitrat, magie xitrat, axit xitric, pyridoxin và hỗn hợp của cả hai.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu, trong đó thành phần giảm oxalat là muối magie.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu, trong đó thành phần giảm oxalat là muối magie và trong đó muối magie là magie hydroxit.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu, trong đó các thành phần làm giảm oxalat được chọn từ nhóm bao gồm một magie, pyridoxin và kết hợp cả hai.

Đồ uống chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu, và hơn nữa chứa vitamin, khoáng chất, hàm lượng axit phytic, axit amin và kết hợp cả hai.

Đồ uống không có calo chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Đồ uống không chứa canxi chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Một phương pháp xử lý của bệnh sỏi thận ở một người có nhu cầu bao gồm dùng đồ uống có chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Phương pháp để xử lý các bệnh xương ở người có nhu cầu bao gồm việc cho người này dùng đồ uống có chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Đồ uống chứa xitrat, magie, và pyridoxin.

Đồ uống chứa xitrat, magie, và pyridoxin, trong đó nguồn ion xitrat được chọn từ nhóm bao gồm natri xitrat, kali xitrat, magie xitrat và kết hợp cả hai.

Đồ uống chứa xitrat, magie, và pyridoxin, trong đó nguồn của magie là magie hydroxit hoặc magie xitrat.

Đồ uống chứa:

(1) 1,0 đến 4,0 mmol/L natri xitrat;

(2) từ 3,0 đến 7,5mmol/L kali xitrat;

- (3) từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric;
 - (4) từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và
 - (5) từ 1,5 đến 3,5mg/L pyridoxin
- trong đó độ pH của đồ uống là từ 3,3 đến 7,0.

Đồ uống chứa:

- (1) 3,33 mmol/L natri xitrat
 - (2) 5,0 mmol/L kali xitrat;
 - (3) 19,67 mmol/L axit xitric;
 - (4) 2,0 mmol/L magie hydroxit; và
 - (5) 2,5 mg/L pyridoxin,
- trong đó pH của đồ uống là 3,5.

Đồ uống chứa: từ 1.0 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là từ 3,3 đến 7,0 và trong đó đồ uống là không chứa canxi.

Đồ uống chứa: từ 1.0 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là từ 3,3 đến 7,0 và trong đó đồ uống là không có calo.

Đồ uống chứa 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2.0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó pH của đồ uống là 3,5 và trong đó đồ uống không chứa canxi.

Đồ uống chứa 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2.0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó pH của đồ uống là 3,5 và trong đó đồ uống không có calo.

Phương pháp để tăng xitrat trong nước tiểu và làm giảm oxalat trong nước tiểu bằng cho một người dùng đồ uống, đồ uống nói trên chứa từ 1 đến 4,0 mmol/L

natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là từ 3,3 đến 7,0.

Phương pháp tăng xitrat trong nước tiểu và giảm oxalat trong nước tiểu bằng cách cho một người dùng đồ uống, đồ uống nói trên bao gồm 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2.0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó pH của đồ uống là 3,5.

Phương pháp xử lý sỏi thận ở người có nhu cầu bằng cách cho một người dùng đồ uống, đồ uống nói trên chứa từ 1 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là từ 3,3 đến 7,0.

Phương pháp xử lý bệnh sỏi thận ở người có nhu cầu bằng cách cho người đó dùng đồ uống, đồ uống nói trên chứa 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2.0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó pH của đồ uống là 3,5.

Phương pháp để xử lý các bệnh liên quan đến xương ở người có nhu cầu bằng cách cho người đó dùng đồ uống, đồ uống nói trên chứa từ 1 đến 4,0 mmol/L natri xitrat; từ 3,0 đến 7,5mmol/L kali xitrat; từ 15 đến 25 mmol/L axit xitric; từ 1 đến 3 mmol/L magie hydroxit; và từ 1,5 đến 3,5mg/L pyridoxin, trong đó độ pH của đồ uống là từ 3,3 đến 7,0.

Phương pháp để xử lý các bệnh xương ở người có nhu cầu bằng cách cho người đó dùng đồ uống, đồ uống nói trên chứa 3,33 mmol/L natri xitrat; 5,0 mmol/L kali xitrat; 19,67 mmol/L axit xitric; 2.0 mmol/L magie hydroxit; và 2,5 mg/L pyridoxin, trong đó pH của đồ uống là 3,5.

Kit chứa một hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén, chứa:
(a) với lượng xitrat natri, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin đủ để

đồ uống được chế biến sẽ có 1,0 đến 4,0 mmol natri xitrat, từ 3,5 đến 7,5 mmol kali xitrat, từ 15 đến 25 mmol axit xitric, 1 3 mmol magie hydroxit, và từ 1,5 đến 3,5mg pyridoxin mỗi lít;

(b) bao bì cho bình chứa;

(c) một bình chứa; và

(d) một tập hợp các hướng dẫn, cho biết chỉ dẫn mô tả làm thế nào để pha chế và bảo quản đồ uống bằng cách sử dụng hỗn hợp bột hoặc viên nén và mô tả các số lần và dung tích của đồ uống được tiêu thụ bởi người tiêu thụ.

Kit chứa một hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén, chứa:

(a), với lượng natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin với đủ để đồ uống được chế biến sẽ có 3,33 mmol natri xitrat, 5,0 mmol kali xitrat, 19,67 axit mmol xitric, 2.0 mmol magie hydroxit, và 2,5 mg pyridoxin mỗi lít;

(b) bao bì cho bình chứa;

(c) một bình chứa; và

(d) một tập hợp các hướng dẫn, cho biết chỉ dẫn mô tả làm thế nào để pha chế và bảo quản đồ uống bằng cách sử dụng hỗn hợp bột hoặc viên nén và mô tả các số lần và dung tích của đồ uống được tiêu thụ bởi một người.

Đồ uống cô đặc chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu.

Đồ uống cô đặc chứa thành phần làm tăng xitrat trong nước tiểu và thành phần làm giảm oxalat trong nước tiểu trong đó các thành phần tăng niệu được chọn từ nhóm bao gồm natri xitrat, kali xitrat, magie xitrat và kết hợp cả hai.

Ví dụ thực hiện sáng chế

Các ví dụ sau đây được đề xuất như là ví dụ minh họa.

Ví dụ 1

Ví dụ này đề xuất kết quả thu được từ việc tiêu thụ thành phần niệu trong đồ uống. Thử nghiệm kiểm soát giả dược được thực hiện khi lấy mẫu nước tiểu trong 24 giờ trong khi uống 2 lít đồ uống theo sáng chế. Quy trình thử nghiệm được chỉ ra trong Fig 1. Giai đoạn thanh lọc ở giữa giai đoạn giả dược và giai đoạn thử nghiệm. Trong quá trình lọc, chế độ ăn uống không được dự định chuẩn bị trước (nghĩa là một người tiêu thụ tiêu thụ những gì họ muốn). Đồ uống chứa các thành phần sau:

Kali Xitrat: 5,0 mmol/lit

Axit xitric 19,67 mmol/lit

Mg(OH)₂ 2,0 mmol/lit

Pyridoxin 2,5 mg/lit

Độ pH của chế phẩm là 3,5. Mười người tham gia thử nghiệm đã hoàn tất việc thử nghiệm và mỗi người đã được quan sát tăng đáng kể độ pH, xitrat, kali và giảm đáng kể canxi và sự bão hòa axit uric (SSUA). Dữ liệu (giá trị trung bình) được đề xuất trong bảng dưới đây.

Thông số niệu	Giả dược	Chế phẩm được bào chế theo công thức hiện này	Ý nghĩa thống kê
Canxi	206,1 mg/ngày	158,6 mg/ngày	0,04
Xitrat	616,4 mg/ngày	945,1 mg/ngày	<0,0001
pH	6,33	6,97	0,0003
Sự bão hòa của axit uric (SSUA)	0,37	0,12	0,02
Kali	74,7 mEq/ngày	96,7 mEq/ngày	0,001

Đây được coi là sự gia tăng xitrat và giảm canxi. Cả hai việc làm đó chỉ ra rằng đồ uống sẽ giảm khả năng sản xuất sỏi oxalat canxi nếu đã hình thành sỏi canxi trước đó. Việc tăng độ pH và giảm sự bão hòa axit uric chỉ ra rằng đồ uống làm giảm khả năng hình thành sỏi axit uric nếu đã hình thành sỏi axit uric trước đó. Việc tăng pH chỉ ra rằng đồ uống làm giảm khả năng sản xuất sỏi nếu đã hình thành sỏi cystin trước đó. Việc tăng kali chỉ ra rằng những người tham gia thử nghiệm đã "hấp thụ" kali trong đồ uống và được tuân thủ trong quá trình thử nghiệm (Nếu họ đã không uống đồ uống với lượng đúng, kali sẽ không có thay đổi).

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Đồ uống chứa natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, muối magie và pyridoxin, trong đó muối magie là magie xitrat hoặc magie hydroxit.
2. Đồ uống theo điểm 1, trong đó tỷ lệ kali xitrat với natri xitrat là 1,1: 1,0, 1,2:1,0, hoặc từ 1,3:1,0 đến 1,7:1,0.
3. Đồ uống theo điểm 1, trong đó đồ uống này chứa thêm các vitamin, khoáng chất, phytat, axit amin, hoặc các hỗn hợp của chúng.
4. Đồ uống theo điểm 1, trong đó đồ uống này không có calo.
5. Đồ uống theo điểm 1, trong đó đồ uống này không chứa canxi.
6. Đồ uống theo điểm 1, trong đó đồ uống này không có calo và không chứa canxi.
7. Đồ uống theo điểm 1, trong đó độ pH nằm trong khoảng từ 3,4 đến 3,7.
8. Đồ uống chứa:
 - (1) natri xitrat với lượng nằm trong khoảng từ 1,0 đến 4,0 mmol/L;
 - (2) kali xitrat với lượng nằm trong khoảng từ 3,0 đến 7,5 mmol/L;
 - (3) axit xitric với lượng nằm trong khoảng từ 15 đến 25 mmol/L;
 - (4) magie hydroxit với lượng nằm trong khoảng từ 1 đến 3 mmol/L ; và
 - (5) pyridoxin với lượng nằm trong khoảng từ 1,5 đến 3,5 mg/L,
 trong đó độ pH của đồ uống nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0.
9. Đồ uống theo điểm 8, trong đó độ pH nằm trong khoảng từ 3,4 đến 3,7.
10. Đồ uống chứa:
 - (1) natri xitrat với lượng 3,33 mmol/L;
 - (2) kali xitrat với lượng 5,0 mmol/L;
 - (3) axit xitric với lượng 19,67 mmol/L;
 - (4) magie hydroxit với lượng 2,0 mmol/L ; và
 - (5) pyridoxin với lượng 2,5 mg/L,
 trong đó độ pH của đồ uống là 3,5.

11. Đồ uống theo điểm 7, trong đó đồ uống này không chứa canxi.

12. Đồ uống theo điểm 7, trong đó đồ uống này không có calo.

13. Kit chứa:

(a) chế phẩm được đề xuất như là hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén, trong đó chế phẩm này chứa natri xitrat, kali xitrat, axit xitric, magie hydroxit, và pyridoxin đủ để đồ uống được pha chế sẽ chứa natri xitrat với lượng nằm trong khoảng từ 1,0 đến 4,0 mmol, kali xitrat với lượng nằm trong khoảng từ 3,5 đến 7,5 mmol, axit xitric với lượng nằm trong khoảng từ 15 đến 25 mmol, magie hydroxit với lượng nằm trong khoảng từ 1 đến 3 mmol, và pyridoxin với lượng nằm trong khoảng từ 1,5 đến 3,5 mg mỗi lít, và độ pH nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0;

(b) bộ chỉ dẫn, trong đó các chỉ dẫn này mô tả cách pha chế đồ uống này sử dụng hỗn hợp bột, dạng cô đặc hoặc viên nén, và mô tả các số lần và dung tích của đồ uống được tiêu thụ bởi người dùng.

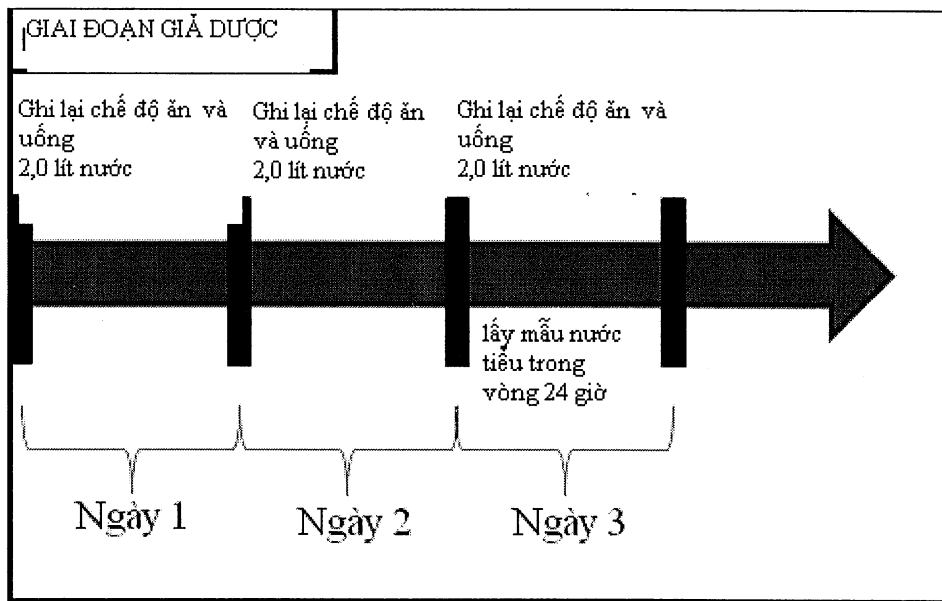
14. Kit theo điểm 13, trong đó đồ uống được pha chế sẽ chứa 3,33 mmol natri xitrat; 5,0 mmol kali xitrat; 19,67 mmol axit xitric, 2,0 mmol magie hydroxit, và 2,5 mg pyridoxin mỗi lít, và độ pH nằm trong khoảng từ 3,4 đến 3,7.

15. Kit chứa:

a) nhiều phần của hỗn hợp bột được chia riêng lẻ, dạng cô đặc hoặc viên nén, trong đó các hàm lượng của từng phần khi trộn với lượng nước đã được định sẵn, đủ để đồ uống chứa natri xitrat với lượng nằm trong khoảng từ 1,0 đến 4,0 mmol, kali xitrat với lượng nằm trong khoảng từ 3,5 đến 7,5 mmol, axit xitric với lượng nằm trong khoảng từ 15 đến 25 mmol, magie hydroxit với lượng nằm trong khoảng từ 1 đến 3 mmol, và pyridoxin với lượng nằm trong khoảng từ 1,5 đến 3,5 mg mỗi lít;

b) lượng nước được định sẵn để làm đồ uống từ từng phần riêng lẻ hoặc các hướng dẫn bao nhiêu nước là cần thiết để làm cho đồ uống và các cách làm để tạo ra đồ uống này.

16. Kit theo điểm 15, trong đó mỗi phần có mặt trong gói giấy, túi, hoặc gói vỉ.
17. Đồ uống cô đặc chứa xitrat natri, kali xitrat, axit xitric, muối magie và pyridoxin.
18. Đồ uống theo điểm 9, trong đó đồ uống này không chứa canxi.
19. Đồ uống theo điểm 9, trong đó đồ uống này không có calo.
20. Đồ uống theo điểm 1, trong đó độ pH nằm trong khoảng từ 3,3 đến 7,0.
21. Đồ uống chứa natri xitric, kali xitrat, axit xitric, muối magie và pyridoxin, trong đó đồ uống này không có calo, không chứa canxi hoặc không có cả hai.
22. Đồ uống chứa natri xitric, kali xitrat, axit xitric, muối magie và pyridoxin, trong đó đồ uống có độ pH nằm trong khoảng từ 3,4 đến 3,7.



PHA LỌC SẠCH (4 ĐẾN 14 NGÀY)

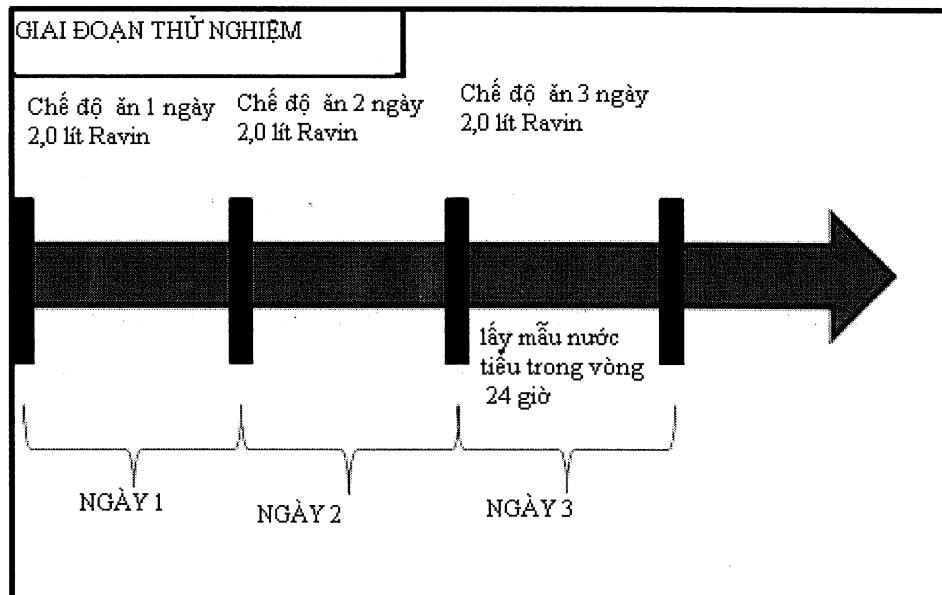


Fig.1